TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2024/DSST
Ngày: 06-9-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông **Nguyễn Minh Nhiễm**;
Ông **Nguyễn Hồng Quân.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thạch Thị Minh Châu**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Hoàng Danh**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 413/2024/TLST–DS, ngày 09-8-2024; về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2024/QĐXXST-DS, ngày 20-8-2024; giữa:

Nguyên đơn: Bà Thạch Thị M, sinh năm 1968; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã HT, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Bà Thạch Thị M2, sinh năm 1963; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã HT, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện ủy quyền của bà Thạch Thị M2: Ông Đặng Văn Chung, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp Vĩnh Yên, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1967; Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

2. Chị Thạch Thị Sa M, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp Đại Mong, xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

3. Chị Thạch Sâm B, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp Đại Mong, xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt);

4. Chị Thạch Thị M, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã HT, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

5. Ông Trần Văn N, sinh năm 1971; Địa chỉ: Ấp Tân Đại, xã Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

6. Bà Sơn Thị Sa R, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã HT, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt);

7. Bà Sơn Thị Sa R2, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã HT, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt);

8. Ông Trần Văn N, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp Tân Đ, xã HT, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt);

9. bà Sơn Thị Sa R, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã HT, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Thạch Thị M trình bày:

Ngày 10/9/2019, bà có tổ chức khui 10 dây hụi (từ dây số 01 đến 10) bà Thạch Thị M2 (danh sách tên Út M2) tham gia 10 dây, mỗi dây tham gia từ 01 đến 03 phần; Hình thức tham gia góp hụi được thỏa thuận như sau: Loại hụi 3.000.000 đồng, mỗi dây có 15 phần; huê hồng 1.000.000 đồng/lần hốt, hụi tháng, bà có giao danh sách hụi viên cho các hụi viên tham gia góp hụi, tất cả 21 dây hụi bà đã tổ chức khui đến lần thứ 09, ở lần khui thứ 10 bà úp hụi, cụ thể từng lần bà M2 bỏ thăm hốt hụi như sau:

Dây 1: Bà M2 tham gia 02 phần, từ lần khui thứ 01 đến thứ 06 bà M2 đóng hụi sống đầy đủ, ở lần khui thứ 07 bà M2 bỏ thăm 1.450.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi bà M2 được nhận bằng 29.400.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho bà M2, không có làm giấy tờ, có đóng 01 phần hụi sống;

Ở lần khui thứ 08 bà M2 bỏ thăm 2.060.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi bà M2 được nhận bằng 24.400.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho bà M2, không có làm giấy tờ, có đóng 01 phần hụi chết; Sau khi hốt hụi bà M2 đóng hụi chết đầy đủ đến lần tứ 09.

Ở lần khui thứ 10 bà úp hụi, yêu cầu trả lại 06 lần tiền hụi đã nhận bằng 14.940.000 đồng (9.300.000 đồng + 5.640.000 đồng);

Dây 2: Bà M2 tham gia 02 phần, từ lần khui thứ 01, 02 bà M2 đóng hụi sống đầy đủ, ở lần khui thứ 03 bà M2 bỏ thăm 1.400.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi bà M2 được nhận bằng 24.200.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho bà M2, không có làm giấy tờ, có đóng 01 phần hụi sống; Sau khi hốt hụi bà M2 đóng hụi chết đầy đủ đến lần tứ 08.

Ở lần khui thứ 09 bà M2 bỏ thăm 2.050.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi bà M2 được nhận bằng 27.500.000 đồng, bà giao tiền cho bà M2, không có làm giấy tờ, có đóng 01 phần hụi chết;

Ở lần khui thứ 10 bà úp hụi, yêu cầu trả lại 06 lần tiền hụi đã nhận bằng 14.100.000 đồng (9.600.000 đồng + 4.500.000 đồng);

Dây 3: Bà M2 tham gia 01 phần, từ lần khui thứ 01 đến thứ 07 bà M2 đóng hụi sống đầy đủ, ở lần khui thứ 08 bà M2 bỏ thăm 2.200.000 đồng là người

trúng thăm hốt hụi, tiền hụi bà M2 được nhận bằng 21.200.000 đồng, bà giao tiền cho bà M2, không có làm giấy tờ; Sau khi hốt hụi bà M2 đóng hụi chết đầy đủ đến lần tứ 09.

Ở lần khui thứ 10 bà úp hụi, yêu cầu trả lại 06 lần tiền hụi đã nhận bằng 4.800.000 đồng;

Dây 4: Bà M2 tham gia 02 phần, từ lần khui thứ 01 đến thứ 04 bà M2 đóng hụi sống đầy đủ, ở lần khui thứ 05 bà M2 bỏ thăm 1.660.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi bà M2 được nhận bằng 24.400.000 đồng đã trừ huê hồng, tôi giao tiền cho bà M2, không có làm giấy tờ, có đóng 01 phần hụi sống;

Ở lần khui thứ 06 bà M2 bỏ thăm 2.310.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi bà M2 được nhận bằng 20.030.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho bà M2, không có làm giấy tờ, có đóng 01 phần hụi chết; Sau khi hốt hụi bà M2 đóng hụi chết đầy đủ đến lần tứ 09.

Ở lần khui thứ 10 bà úp hụi, yêu cầu trả lại 06 lần tiền hụi đã nhận bằng 12.060.000 đồng (8.040.000 đồng + 4.020.000 đồng);

Dây 5: Bà M2 tham gia 02 phần, từ lần khui thứ 01 đến thứ 05 bà M2 đóng hụi sống đầy đủ, ở lần khui thứ 06 bà M2 bỏ thăm 2.330.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi bà M2 được nhận bằng 20.030.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho bà M2, không có làm giấy tờ, có đóng 01 phần hụi sống;

Ở lần khui thứ 07 bà M2 bỏ thăm 2.130.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi bà M2 được nhận bằng 23.960.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho bà M2, không có làm giấy tờ, có đóng 01 phần hụi chết; Sau khi hốt hụi bà M2 đóng hụi chết đầy đủ đến lần tứ 09.

Ở lần khui thứ 10 bà úp hụi, yêu cầu trả lại 06 lần tiền hụi đã nhận bằng 9.240.000 đồng (4.020.000 đồng + 5.220.000 đồng);

Dây 7: Bà M2 tham gia 01 phần, từ lần khui thứ 01 đến thứ 05 bà M2 đóng hụi sống đầy đủ, ở lần khui thứ 06 bà M2 bỏ thăm 2.420.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi bà M2 được nhận bằng 20.030.000 đồng, bà giao tiền cho bà M2, không có làm giấy tờ, có đóng 01 phần hụi sống;

Ở lần khui thứ 07 bà M2 bỏ thăm 2.130.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi bà M2 được nhận bằng 26.480.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho bà M2, không có làm giấy tờ;

Ở lần khui thứ 10 bà úp hụi, yêu cầu trả lại 06 lần tiền hụi đã nhận bằng 3.480.000 đồng;

Dây 8: Bà M2 tham gia 01 phần, từ lần khui thứ 01 đến thứ 05 bà M2 đóng hụi sống đầy đủ, ở lần khui thứ 06 bà M2 bỏ thăm 2.420.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi bà M2 được nhận bằng 20.030.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho bà M2, không có làm giấy tờ, có đóng 01 phần hụi sống;

Ở lần khui thứ 07 bà M2 bỏ thăm 2.130.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi bà M2 được nhận bằng 26.480.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho bà M2, không có làm giấy tờ;

Ở lần khui thứ 10 bà úp hụi, yêu cầu trả lại 06 lần tiền hụi đã nhận bằng 3.960.000 đồng;

Dây 9: Bà M2 tham gia 01 phần, từ lần khui thứ 01 đến thứ 03 bà M2 đóng hụi sống đầy đủ, ở lần khui thứ 04 bà M2 bỏ thăm 1.450.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi bà M2 được nhận bằng 28.050.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho bà M2, không có làm giấy tờ, có đóng 01 phần hụi sống;

Ở lần khui thứ 08 bà M2 bỏ thăm 2.300.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi bà M2 được nhận bằng 24.900.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho bà M2, không có làm giấy tờ;

Ở lần khui thứ 10 bà úp hụi, yêu cầu trả lại 06 lần tiền hụi đã nhận bằng 13.500.000 đồng (9.300.000 đồng + 4.200.000 đồng);

Dây 10: Bà M2 tham gia 01 phần, từ lần khui thứ 01 bà M2 đóng hụi sống đầy đủ, ở lần khui thứ 02 bà M2 bỏ thăm 1.400.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi bà M2 được nhận bằng 21.800.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho bà M2, không có làm giấy tờ, có đóng 01 phần hụi sống;

Ở lần khui thứ 08 bà M2 bỏ thăm 2.310.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi bà M2 được nhận bằng 24.830.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho bà M2, không có làm giấy tờ;

Ở lần khui thứ 10 bà úp hụi, yêu cầu trả lại 06 lần tiền hụi đã nhận bằng 13.740.000 đồng (9.600.000 đồng + 4.140.000 đồng);

Tổng cộng 09 dây hụi trên bà M2 còn nợ bà bằng 89.820.000 đồng.

Ngoài ra bà M2 còn hụi sống dây hụi số 06, bà M2 tham gia 02 phần đã đóng hụi sống đến lần thứ 09, tổng số tiền đã đóng bằng 21.860.000 đồng, bà đồng ý cấn trừ lại tiền hụi bà khởi kiện (89.820.000 -21.860.000 đồng);

Bà tự nguyện xin rút lại một phần nội dung đơn khởi kiện đối với hụi viên còn sống là bà Sơn Thị Sa Ry (Ny Sa Ry) dây số 01, 02, 03, 04, 05, 07, 08, 09 số tiền hụi sống bà Sa Ry đóng bằng 11.210.000 đồng và hụi viên chị Thạch Thị Ma Ri (Chín Rươn) dây hụi số 02, 03, 04, 05 bằng 6.700.000 đồng, tổng cộng bằng 17.910.000 đồng, do chưa thỏa thuận được.

Bà Thạch Thị M yêu cầu bà Thạch Thị M2 trả lại 08 lần tiền hụi đã nhận tổng cộng bằng 50.050.000 đồng (Loại hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 10/9/2019, dây hụi số: 01, 02, 03, 04, 05, 07, 08, 09, 10), không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết đại diện bị đơn bà Thạch Thị M2 có ý kiến trình bày:

Qua yêu cầu khởi kiện của bà M, bà M2 thừa nhận vào ngày 10/9/2019, bà M có mở 10 dây hụi, loại hụi 3.000.000 đồng, bà M2 có tham gia theo danh sách hụi viên bà M khởi kiện yêu cầu bà M2 trả lại tiền hụi đã nhận từ dây số 01, 02, 03, 04, 05, 07, 08, 09, 10 bằng 89.820.000 đồng. Bà M2 còn hụi sống ở dây hụi số 06, bà M2 tham gia 02 phần, hụi đã khui đến lần thứ 09, tổng số tiền hụi bà M2 đóng bằng 21.860.000 đồng, tiền hụi này đồng ý cấn trừ vô tiền hụi bà M khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng có ý kiến trình bày: Ngày 10/9/2019, bà Thạch Thị M có tổ chức khui 10 dây hụi (từ dây số 01 đến 10), loại hụi 3.000.000 đồng, mỗi dây có 15 phần; huê hồng 1.000.000 đồng/lần hốt, hụi tháng, hụi đã khui đến lần thứ 09, còn 06 lần khui nữa mới mãn hụi. Sau khi

úp hụi chủ hụi và hụi viên có tính toán tiền hụi sống ở các dây hụi trên xong, không có ai khởi kiện bà M chung vụ kiện này, thống nhất để cho bà M giải quyết với bà M2.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp tài liệu chứng có gồm: 10 danh sách hụi viên (photo); CCCD Thạch Thị M; các biên nhận tính tiền hụi giữa chủ hụi với hụi viên (photo); Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có cung cấp chứng cứ;

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị M về việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với các hụi viên còn sống tổng công bằng 17.910.000 đồng.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị M.

3. Buộc bà Thạch Thị M2 có trách nhiệm cho bà Thạch Thị M 08 lần tiền hụi đã nhận bằng 50.050.000 đồng (Loại hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 10/9/2019, dây hụi số: 01, 02, 03, 04, 05, 07, 08, 09, 10); Bà Thạch Thị M không yêu cầu tính lãi.

4. Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

Bà Thạch Thị M2 có tham gia 10 dây hụi Loại hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 10/9/2019, từ dây hụi số 01 đến 10).

Bà Thạch Thị M2 thừa nhận còn nợ bà Thạch Thị M tiền hụi đã nhận ở 09 dây hụi bằng 89.820.000 đồng; bà Thạch Thị M thừa nhận còn nợ bà Thạch Thị M2 tiền hụi sống dây hụi số 06 bằng 21.860.000 đồng, hai bên đồng ý cấn trừ lại.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất: Không có;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi". Bị đơn cư trú tại huyện Tiểu Cần theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần; Bị đơn không có yêu cầu phản tố, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập.

Các đương sự có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

Bà Thạch Thị M có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với các hụi viên còn hụi sống gồm: Bà Sơn Thị Sa Ry (Ny Sa Ry) dây số 01, 02, 03, 04, 05, 07, 08, 09 số tiền hụi sống bà Sa Ry đóng bằng 11.210.000 đồng và hụi viên chị Thạch Thị Ma Ri (Chín Rươn) dây hụi số 02, 03, 04, 05 bằng 6.700.000 đồng, tổng cộng bằng 17.910.000 đồng. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của bà M là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà M.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Bà Thạch Thị M yêu cầu bà Thạch Thị M2 trả lại 08 lần tiền hụi đã nhận tổng cộng bằng 89.820.000 đồng (Loại hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 10/9/2019, dây hụi số 01, 02, 03, 04, 05, 07, 08, 09, 10), quá trình giải quyết đại diện ủy quyền của bị đơn thống nhất bà M2 có tham gia góp hụi do bà M làm chủ hụi ở các dây hụi trên, số tiền hụi bà M2 đồng ý trả cho bà M bằng 89.820.000 đồng, bà M2 còn sống dây hụi số 06 tiền hụi sống bà M2 đóng bằng 21.860.000 đồng bà M2 đồng ý cần trừ lại tiền hụi bà M khởi kiện, đây là những tình tiết các đương sự không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Hụi viên còn hụi sống ở các dây hụi trên cùng có ý kiến thống nhất vào 10/9/2019, bà Thạch Thị M có tổ chức khui 10 dây hụi (từ dây số 01 đến 10), loại hụi 3.000.000 đồng, mỗi dây có 15 phần; huê hồng 1.000.000 đồng/lần hốt, hụi tháng, hụi đã khui đến lần thứ 07, còn 08 lần khui nữa mới mãn hụi. Sau khi úp hụi chủ hụi và hụi viên có tính toán tiền hụi sống ở các dây hụi trên xong, không có ai khởi kiện bà M chung vụ kiện này, thống nhất để cho bà M giải quyết với bà M2.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M là có căn cứ, do bà M không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bị đơn bà Thạch Thị M2 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn bà Thạch Thị M không phải chịu án phí.

[5] Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, 92, 147 và Điều 227, 244, 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi biêu phường;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị M về việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với các hụi viên bà Sơn Thị Sa Ry và chị Thạch Thị Ma Ri tổng cộng bằng 17.910.000 đồng.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị M.

3. Buộc bà Thạch Thị M2 có trách nhiệm cho bà Thạch Thị M 03 lần tiền hụi đã nhận 50.050.000 đồng (Loại hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 10/9/2019, dây hụi số: 01, 02, 03, 04, 05, 07, 08, 09, 10); Bà Thạch Thị M không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn bà Thạch Thị M2 phải chịu 2.502.5000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Do bà Thạch Thị M2 là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên miễn toàn bộ án phí cho bà M2.

Bà Thạch Thị M không phải chịu án phí; Hoàn trả số tiền 2.245.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0014477 ngày 12-01-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh lại cho bà Thạch Thị M.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể tư ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Chấm